

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY
Tầng 3, toà nhà Hoàng Gia, 180 Triệu Việt Vương, Hai Bà Trưng, Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY
Quý II năm 2012

Hà Nội, tháng 7 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		49.140.447.952	101.176.648.818
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.780.026.986	93.961.517
111	1. Tiền		280.026.986	93.961.517
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.500.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	35.032.408.034	20.437.408.034
121	1. Đầu tư ngắn hạn		35.032.408.034	20.437.408.034
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.731.622.487	5.032.453.327
135	1. Các khoản phải thu khác	6	11.731.622.487	5.032.453.327
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		596.390.445	75.612.825.940
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	35.280.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		563.666.285	465.459.808
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	7	32.724.160	75.112.086.132
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		693.516.849.787	627.596.819.339
220	I. Tài sản cố định		112.613.687	198.993.339
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	96.665.089	167.096.143
222	Nguyên giá		437.206.400	437.206.400
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(340.541.311)	(270.110.257)
227	2. Tài sản cố định vô hình		15.948.598	31.897.196
228	Nguyên giá		95.691.587	95.691.587
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(79.742.989)	(63.794.391)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	692.686.225.100	626.679.815.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	9.1	585.694.690.000	595.694.690.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	9.2	104.991.535.100	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	9.3	2.000.000.000	30.985.125.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		718.011.000	718.011.000
263	1. Ký quỹ, ký cược dài hạn		718.011.000	718.011.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		742.657.297.739	728.773.468.157

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		21.512.518.441	12.697.816.941
310	I. Nợ ngắn hạn		21.512.518.441	12.697.816.941
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	8.317.236.943	10.317.236.943
313				
	2. Người mua trả tiền trước		11.735.000.000	-
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		6.842.908	6.842.908
315	4. Phải trả công nhân viên		151.369.500	537.933.000
316	5. Chi phí phải trả		273.000.000	770.636.000
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	1.029.069.090	1.065.168.090
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	13	721.144.779.298	716.075.651.216
410	I. Vốn chủ sở hữu		721.144.779.298	716.075.651.216
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	13.1	605.000.000.000	605.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	13.1	99.455.000.000	99.455.000.000
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.1	16.689.779.298	11.620.651.216
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		742.657.297.739	728.773.468.157

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30 tháng 6 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ (US\$)	274	281

Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 7 năm 2012

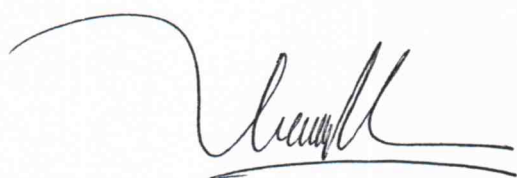
Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý		Lũy kế năm	
			Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước	Số lũy kế kỳ này năm nay	Số lũy kế kỳ này năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-	-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-	-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	10		-	-	-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-	-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		-	-	-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	9,194,816,145	5,852,377,898	11,767,670,309	12,000,233,691
7. Chi phí tài chính	22	15	4,624,703,204	3,884,268	4,625,435,542	5,255,520
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		160.750.727	-	-	-
8. Chi phí bán hàng			-	-	-	-
9. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1,580,460,963	1,403,137,121	2,165,348,426	2,894,814,860
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30		2,989,651,973	4,445,356,509	4,976,886,342	9,100,163,310
11. Thu nhập khác	31		62,533,039	-	92,241,740	4,275,000
12. Chi phí khác	32		-	-	-	-
13. Lợi nhuận khác	40		62,533,039	-	92,241,740	4,275,000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,052,185,012	4,445,356,509	5,069,128,082	9,104,438,310
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	17	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		3,052,185,012	4,445,356,509	5,069,128,082	9,104,438,310



Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 7 năm 2012

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		5.069.128.082	9.104.438.310
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định	8	86.379.652	220.069.707
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	14	(5.613.100.449)	(11.560.119.792)
06	Lãi tiền gửi và tiền cho vay	14	(1.694.569.860)	(440.113.899)
07	Chi phí lãi vay		160.750.727	-
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.991.411.848)	(2.675.725.674)
09	(Tăng) các khoản phải thu		(40.427.227)	(4.697.127.553)
11	Tăng các khoản phải trả		10.814.701.500	9.401.362.000
12	Giảm chi phí trả trước		35.280.000	156.054.907
13	Tiền lãi vay đã trả		(160.750.727)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		8.657.391.698	2.184.563.680
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	-
23	Tiền chi cho vay		(17.545.000.000)	(9.866.560.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		2.950.000.000	500.000.000
25	Tiền đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.513.000.000)	-
26	Tiền chi để góp vốn vào công ty con		-	(6.500.000.000)
27	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác/bán công ty con		1.003.000.000	-
28	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.133.673.771	11.768.184.717
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(4.971.326.229)	(4.098.375.283)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền vay ngắn hạn nhận được		2.538.810.000	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.538.810.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.000.000.000)	-
50	(Giảm)/tăng tiền và tương đương tiền trong kỳ		1.686.065.469	(1.913.811.603)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		93.961.517	2.127.614.738
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	1.780.026.986	213.803.135

Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 7 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay ("Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Phong, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 26 tháng 9 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
0103013874	Ngày 3 tháng 8 năm 2009
0103013874	Ngày 27 tháng 8 năm 2009
0103013874	Ngày 28 tháng 9 năm 2009
0103013874	Ngày 2 tháng 12 năm 2009
0102051941	Ngày 12 tháng 2 năm 2010
0102051941	Ngày 24 tháng 5 năm 2010
0102051941	Ngày 15 tháng 7 năm 2010
0102051941	Ngày 24 tháng 9 năm 2010
0102051941	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0102051941	Ngày 20 tháng 6 năm 2011
0102051941	Ngày 17 tháng 5 năm 2012

Ngày 28 tháng 4 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay với mã cổ phiếu NVT theo công văn số 85/QĐ-SGDHCM. Ngày 7 tháng 5 năm 2010, 50.500.000 cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, số cổ phiếu được lưu hành của Công ty là 60.500.000 cổ phiếu (Thuyết minh số 12.4).

Hoạt động chính của Công ty là:

- ▶ Kinh doanh bất động sản;
- ▶ Dịch vụ quản lý, tư vấn bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất), xúc tiến đầu tư thương mại;
- ▶ Khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- ▶ Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, san lấp mặt bằng;
- ▶ Sản xuất, nhập khẩu trang thiết bị xây dựng và trang trí nội, ngoại thất; và
- ▶ Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 3, tòa nhà Hoàng Gia, số 180 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 12 người (tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 16 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức:

Công ty có 3 công ty con, trong đó:

► ***Công ty TNHH Hai Dung***

Công ty con này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên số 3600805594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 10 tháng 4 năm 2006, với số vốn điều lệ là 110 tỷ đồng Việt Nam. Công ty TNHH Hai Dung có trụ sở đặt tại ấp Bến Cột, xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và văn phòng giao dịch đặt tại số 24 Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Công ty TNHH Hai Dung là kinh doanh bất động sản, đầu tư khu du lịch sinh thái và kinh doanh nhà nghỉ, nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty nắm 90% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

► ***Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải***

Công ty con này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4200686538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 13 tháng 12 năm 2008, với số vốn điều lệ là 90 tỷ đồng Việt Nam. Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải có trụ sở đặt tại thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải là kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lưu hành.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty nắm 51% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

► ***Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú***

Công ty con này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103025527 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 6 năm 2008, với số vốn điều lệ là 150 tỷ đồng Việt Nam. Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú có trụ sở đặt tại tầng 8, tòa nhà LOD, số 28 đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú là kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng và dịch vụ ăn uống.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty nắm 51% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 9 (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"). Công ty đã lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 09/2010/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cần lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày. Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và dự kiến sẽ nộp cho cơ quan quản lý vào, hoặc trước, cuối tháng 8 năm 2012

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc các báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành nói chung và chuẩn mực số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ nói riêng và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam.

Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Theo Thông tư 210, Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phi phái sinh do Tập đoàn phát hành để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Yêu cầu này không có ảnh hưởng đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty vì Công ty chưa phát hành các công cụ này.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán là chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.9 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc niên độ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần, kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch. tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

T.C.P. 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn hiện hành và các giai đoạn trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác và nợ.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Tiền mặt	74.012.381	15.041.126
Tiền gửi ngân hàng	206.014.605	78.920.391
Các khoản tương đương tiền	1.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.780.026.986	93.961.517

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Đầu tư ngắn hạn khác	35.032.408.034	20.437.408.034
TỔNG CỘNG	35.032.408.034	20.437.408.034

Bao gồm trong đầu tư ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là các khoản đầu tư lớn sau:

- ▶ Các khoản cho Công ty TNHH Hai Dung vay tín chấp với tổng số tiền là 20.147.408.034 đồng Việt Nam.
- ▶ Khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt vay tín chấp với số tiền là 650.000.000 đồng Việt Nam .
- ▶ Các khoản cho Công ty cổ phần du lịch Tân Phú vay tín chấp với tổng số tiền là 14,000,000,000 đồng Việt Nam .

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Phải thu lãi vay từ Công ty TNHH Hai Dung .	3.396.028.289	1.762.031.751
Chi phí chi trả hộ Công ty TNHH Một thành viên Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay .	3.279.792.810	3.270.421.576
Chi phí chi trả hộ Công ty TNHH Emeraldal Management Group	5.801.387	-
Phải thu chuyển nhượng cổ phần tại Công ty TNHH Một thành viên Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay .	5.050.000.000	-
TỔNG CỘNG	11.731.622.486	5.032.453.327
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải thu khác</i>	5.050.000.000	
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan .</i>	6.681.622.486	5.032.453.327

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Ứng trước tiền đầu tư mua cổ phần/phần vốn góp	-	75.006.410.100
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp (*)</i>	-	48.030.000.000
<i>Công ty CP Thương mại Dịch vụ Danh Việt (*)</i>	-	26.976.410.100
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	32.724.160	105.676.032
TỔNG CỘNG	32.724.160	75.112.086.132

(*) Tính đến ngày 31/12/2011, Công ty có cam kết mua thêm 35% phần vốn góp tại Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp và thực hiện việc ứng trước mua phần vốn góp tại Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp là 48.030.000.000 đồng. Ngày 12 tháng 04 năm 2012, Công ty nhận chuyển nhượng toàn bộ phần tiền ứng trước thành phần vốn góp tại Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty này lên 40,21%. Chi tiết về Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp xem thêm tại mục 9.2

(*) Tính đến ngày 31/12/2011, Công ty có cam kết mua thêm 35% phần cổ phần tại Công ty CP Thương mại Dịch vụ Danh Việt và thực hiện việc ứng trước mua cổ phần tại Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp là 26.976.410.000 đồng. Ngày 12 tháng 04 năm 2012, Công ty nhận chuyển nhượng toàn bộ phần tiền ứng trước thành cổ phần tại Công ty CP thương mại Dịch vụ Danh Việt, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty này lên 29,15%. Chi tiết về Công ty CP Thương mại Dịch vụ Danh Việt xem thêm tại mục 9.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	437.206.400	437.206.400
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	437.206.400	437.206.400
Giá trị hao mòn:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	270.110.257	270.110.257
Khấu hao trong kỳ	70.431.054	70.431.054
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	340.541.311	340.541.311
Giá trị còn lại:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	167.096.143	167.096.143
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	96.665.089	96.665.089

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Đầu tư vào công ty con	585.694.690.000	595.694.690.000
Đầu tư vào công ty liên kết	104.991.535.100	-
Đầu tư dài hạn khác	2.000.000.000	30.985.125.000
TỔNG CỘNG	692.686.225.100	626.679.815.000

9.1 Đầu tư vào các công ty con

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Giá trị đầu tư	
Tên đơn vị	30 tháng 6 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Công ty TNHH Hai Dung	204.742.800.000	204.742.800.000
Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	304.451.890.000	304.451.890.000
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	76.500.000.000	76.500.000.000
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay(*)	-	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	585.694.690.000	595.694.690.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

(*) Theo Quyết định số 07/2012/QĐ-HĐQT ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Quản trị Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định chuyển nhượng 55% số vốn góp tại Công ty TNHH Một thành viên Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay với giá chuyển nhượng là 3.300.000.000 đồng Việt Nam. Cũng theo Quyết định nêu trên, Hội đồng Quản trị Công ty cũng quyết định chuyển đổi mô hình Công ty từ Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty TNHH từ hai thành viên trở lên.

Theo Quyết định số 14/2012/QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Quản trị Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định chuyển nhượng 35% số vốn góp tại Công ty TNHH Một thành viên Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay với giá chuyển nhượng là 1.750.000.000 đồng Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã chuyển nhượng phần vốn góp nêu trên theo các hợp đồng số 08/2012/NVB-HĐ, 09/2012/NVB-HĐ và 10/2012/NVB-HĐ với giá chuyển nhượng là 5.050.000.000 đồng Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, tổng vốn góp tại Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay mà Công ty sở hữu là 10%, do vậy khoản đầu tư này được trình là một khoản đầu tư khác.

9.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp	63.930.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt	41.061.535.100	-
TOTAL	104.991.535.100	-

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp (*)	Tỉnh Quảng Nam	40.21%	Phát triển và vận hành khu nghỉ dưỡng Ana Mandara Hội An
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt (**)	Thành phố Hồ Chí Minh	29.15%	Phát triển và vận hành khu Du lịch Sinh thái Biển Cao cấp Lạc Việt

(*) Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp là một công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên số 4000491891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 5 tháng 5 năm 2008, với số vốn điều lệ là 30 tỷ đồng Việt Nam. Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp có trụ sở đặt tại Cồn Bắp, phường Cẩm Nam, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khách sạn, dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

(**) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt là một công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0304993374 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2007, với số vốn điều lệ là 35.125.000.000 đồng Việt Nam. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt có trụ sở đặt tại số 24 Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khách sạn, dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9.3 Đầu tư dài hạn khác

Tên đơn vị	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp (Thuyết minh số 7) (*)	-	15.900.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt (Thuyết minh số 7) (*)	-	14.085.125.000
Công ty TNHH Một thành viên Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay (Thuyết minh số 9.1)	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Emerald Management Group (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	2.000.000.000	30.985.125.000

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, các khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cồn Bắp và Công ty Danh Việt trở thành các khoản đầu tư vào công ty liên kết.

(**) Chi tiết đầu tư dài hạn khác như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Emerald Management Group	Thành phố Hồ Chí Minh	14,3%	Cung cấp dịch vụ quản lý khách sạn và khu nghỉ dưỡng, kinh doanh khách sạn

Công ty Cổ phần Emerald Management Group là một công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0311199892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2011, với số vốn điều lệ là 7 tỷ đồng Việt Nam. Công ty Cổ phần Emerald Management Group có trụ sở đặt tại lầu 1, toàn nhà Center Point, số 106 Nguyễn Văn Trỗi, Quận 8, Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ quản lý khách sạn và khu nghỉ dưỡng, kinh doanh khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Vay ngắn hạn khác	8.317.236.943	10.317.236.943
TỔNG CỘNG	8.317.236.943	10.317.236.943

Vay ngắn hạn từ khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo từ Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải với số tiền là 8.317.236.943 đồng Việt Nam, theo hợp đồng ngày 12 tháng 7 năm 2011 có lãi suất 1%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 12 tháng 7 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là khoản tiền ứng trước cho hợp đồng số 09/2012/HD.CNCP/TP ngày 16 tháng 5 năm 2012 về chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú giữa Công ty và Công ty TNHH Bất động sản MSB. Theo hợp đồng nêu trên, Công ty đồng ý chuyển nhượng 76% số cổ phần Công ty đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú (tương ứng 38,76% số phần của Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú) với giá trị chuyển nhượng là 24.375.000.000 đồng Việt Nam. Công ty được quyền mua lại khoản cổ phần này sau 03 năm kể từ ngày ký Hợp đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giao dịch chuyển nhượng cổ phần nêu trên chưa được coi là hoàn tất do Công ty TNHH Bất động sản MSB chưa chuyển đủ số tiền đã nêu trong hợp đồng chuyển nhượng.

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Tiền bán thẻ nghỉ thu hộ Công ty TNHH Một thành viên Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay	1.029.069.090	1.029.069.090
Các khoản phải trả khác	-	36.099.000
TỔNG CỘNG	1.029.069.090	1.065.168.090

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VNĐ			
	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011:				
Số dư đầu kỳ	605.000.000.000	99.455.000.000	4.498.477.744	708.953.477.744
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	9.104.438.310	9.104.438.310
Số dư cuối kỳ	605.000.000.000	99.455.000.000	13.602.916.054	718.057.916.054
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012:				
Số dư đầu kỳ	605.000.000.000	99.455.000.000	11.620.651.216	716.075.651.216
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	5.069.128.082	5.069.128.082
Số dư cuối kỳ	605.000.000.000	99.455.000.000	16.689.779.298	721.144.779.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30 tháng 6 năm 2012			31 tháng 12 năm 2011		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của cổ đông sáng lập	256.837.980.000	256.837.980.000	-	256.837.980.000	256.837.980.000	-
Vốn góp của cổ đông khác	348.162.020.000	348.162.020.000	-	348.162.020.000	348.162.020.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	99.455.000.000	99.455.000.000	-	99.455.000.000	99.455.000.000	-
	<u>704.455.000.000</u>	<u>704.455.000.000</u>	<u>-</u>	<u>704.455.000.000</u>	<u>704.455.000.000</u>	<u>-</u>

Đơn vị tính: VNĐ

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	605.000.000.000	605.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	605.000.000.000	605.000.000.000

Đơn vị tính: VNĐ

13.4 Cổ phiếu

	30 tháng 6 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	60.500.000	60.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	60.500.000	60.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	60.500.000	60.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.500.000	60.500.000
Cổ phiếu phổ thông	60.500.000	60.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Đơn vị tính: VNĐ

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.694.569.860	440.113.899
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.073.100.449	11.560.119.792
TỔNG CỘNG	11.767.670.309	12.000.233.691

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Lãi tiền vay	160.750.727	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư(*)	4.460.000.000	-
Chi phí tài chính khác	4.684.815	5.255.520
TỔNG CỘNG	4.625.435.542	5.255.520

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Chi phí nhân công	1.208.008.117	1.814.430.755
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	86.379.652	220.069.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	224.375.275	682.618.241
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	4.460.000.000	-
Chi phí khác	812.020.924	182.951.678
TỔNG CỘNG	6.790.783.968	2.900.070.381

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Giải trình về biến động lợi nhuận của kỳ này so với cùng kỳ năm trước:

Lợi nhuận của Quý 2 năm 2012 là 3,052,185,012 đồng so với lợi nhuận của quý 2 năm 2011 là 4,445,356,509 đồng giảm 1,393,171,497 đồng. Nguyên nhân chủ yếu của việc giảm lợi nhuận này là do công ty mẹ đã thanh lý lỗ khoản đầu tư tại công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay (9 tỷ đồng Việt Nam) theo các hợp đồng số 08/2012/NVB-HĐ, 09/2012/NVB-HĐ và 10/2012/NVB-HĐ với giá chuyển nhượng là 5.050.000.000 đồng Việt Nam. Tổng lỗ phát sinh từ các giao dịch nói trên là 3.950.000.000 đồng Việt Nam.



Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 7 năm 2012